TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2023.
V/v ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Thiện Phong

2. Ông Lâm Thái Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 249/2023/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Võ Bích T, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2023 và lời khai ngày 30/10/2023 tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Võ Bích T tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 2020. Đến năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống không có con chung. Về tài sản chung, anh và chị T có tài sản chung là 08 chỉ vàng 24K do chị T đang quản lý, sử dụng. Anh và chị T cũng không nợ tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào. Quá trình chung sống, anh và chị T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Vì vậy, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, anh và chị T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Nay anh K yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, khi khởi kiện anh yêu cầu chia đôi tài sản chung. Đến ngày 30/12/2023, anh K có đơn xin rút yêu cầu đối với việc chia tài sản chung vì anh muốn để lại cho chị T và không muốn tiếp tục tranh chấp.

Bị đơn, chị Võ Bích T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2023: Chị thống nhất với lời trình bày của anh K về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do chị và anh K bất đồng quan điểm, anh K đi làm xa nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị và anh K đã sống ly thân khoảng 4 đến 5 tháng nay mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vì vậy, chị đồng ý ly hôn với anh K. Về con chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh K tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K đối với chị T. Về con chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh K về việc yêu cầu chia tài sản chung. Án phí về hôn nhân và gia đình, anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn K nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với chị Võ Bích T. Khi khởi kiện, chị T có địa chỉ tại ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K và chị Võ Bích T đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị T theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Võ Bích T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 193 ngày 17 tháng 11 năm 2022 nên hôn nhân giữa anh K và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Anh Nguyễn Minh K và chị Võ Bích T đều xác định trong thời gian chung sống, giữa anh K và chị T phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc khiến

cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh K và chị T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T cũng đồng ý ly hôn với anh K. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh K và chị T đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, anh K và chị T đều yêu cầu được ly hôn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Anh K yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Minh K và chị Võ Bích T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh K và chị Võ Bích T thống nhất xác định anh chị có số tài sản chung là 08 chỉ vàng 24K do chị T đang quản lý. Tại đơn khởi kiện, anh K yêu cầu chia đôi số tài sản chung nhưng sau đó lại có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, việc anh K rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là do anh anh K hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh K và chị T tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu Tòa án cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn K đối với chị Võ Bích T. Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn với chị Võ Bích T.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K đối với chị Võ Bích T về việc yêu cầu chia đôi 08 chỉ vàng 24K.

Anh Nguyễn Minh K và chị Võ Bích T, không yêu Tòa án cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung, Anh Nguyễn Minh K và chị Võ Bích T thống nhất không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn K đã nộp tạm ứng án phí 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0007274

ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện H, Bạc Liêu;
- UBND xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Thu